

ĐỀ CƯƠNG

Tuyên truyền kết quả Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV

A. BỐI CẢNH, NỘI DUNG CỦA KỲ HỌP

1. Bối cảnh

Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV diễn ra sau Hội nghị Trung ương 10, khóa XIII của Đảng thành công rất tốt đẹp. Các đại biểu Quốc hội làm việc với khối lượng công việc lớn, có nhiều nội dung quan trọng và giải quyết nhiều vấn đề cấp bách, tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, các chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ, làm biến động mạnh về giá xăng dầu, hàng hóa cơ bản, cước vận tải; kinh tế, thương mại phục hồi chậm, biến đổi khí hậu, thiên tai, an ninh lương thực, năng lượng, an ninh mạng diễn biến phức tạp, ... trong nước kinh tế vĩ mô ổn định, kiểm soát lạm phát, linh hoạt giải quyết hiệu quả những vấn đề đột xuất, phát sinh về chính sách tiền tệ, tài khóa; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả nặng nề từ thiên tai, bão lụt, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước.

2. Nội dung của Kỳ họp

Quốc hội xem xét 51 nội dung, nhóm nội dung, bao gồm: 33 nội dung thuộc công tác lập pháp, 18 nhóm nội dung về kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, giám sát và các vấn đề quan trọng khác; đồng thời, có 12 nhóm nội dung được các cơ quan gửi báo cáo đề đại biểu Quốc hội nghiên cứu. Quốc hội đã thông qua 18 luật, 21 nghị quyết, bên cạnh đó đã cho ý kiến lần đầu đối với 10 dự án luật khác; xem xét, quyết định công tác nhân sự thuộc thẩm quyền; xem xét, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm 2025, các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia và nhiều vấn đề quan trọng; tiến hành chất vấn và trả lời chất vấn; giám sát tối cao chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý thị trường bất động sản và phát triển nhà ở xã hội từ năm 2015 đến hết năm 2023”, ...

B. KẾT QUẢ CỦA KỲ HỌP

I. VỀ CÔNG TÁC NHÂN SỰ VÀ XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG

1. Quốc hội đã xem xét, quyết định miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch nước đối với đồng chí Tô Lâm; bầu Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với đồng chí Lương Cường; miễn nhiệm chức vụ Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV, Tổng Thư ký Quốc hội và cho thôi làm đại biểu Quốc hội khóa XV đối với đồng chí Bùi Văn Cường thuộc Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hải Dương; bầu Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa

XV, Tổng Thư ký Quốc hội đối với đồng chí Lê Quang Tùng; phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm Bộ trưởng Bộ Tài chính nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với đồng chí Hồ Đức Phớc, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với đồng chí Nguyễn Văn Thắng; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm Bộ trưởng Bộ Tài chính nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với đồng chí Nguyễn Văn Thắng, bổ nhiệm Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với đồng chí Trần Hồng Minh; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với đồng chí Nguyễn Quốc Đoàn và đồng chí Lê Tiến.

Công tác nhân sự được thực hiện thận trọng, chặt chẽ, bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, bảo đảm đúng quy trình, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt được sự thống nhất rất cao của các vị đại biểu Quốc hội. Sau khi được Quốc hội bầu, Chủ tịch nước Lương Cường đã tuyên thệ, phát biểu nhậm chức theo quy định của Hiến pháp.

2. Quốc hội đã xem xét, thảo luận các báo cáo về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2024, đánh giá cao công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương; biểu dương tinh thần nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp, các tầng lớp Nhân dân đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; dự kiến đạt và vượt 14/15 chỉ tiêu chủ yếu đề ra tại Nghị quyết số 103/2023/QH15 của Quốc hội.

Quốc hội thông qua các nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm 2025 với các nội dung cơ bản sau đây:

2.1. *Tại Nghị quyết số 158/2024/QH15 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025*: Quốc hội đề ra mục tiêu tổng quát, 15 chỉ tiêu và 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; xác định năm 2025 là năm tăng tốc, bứt phá, về đích; đồng thời, xác định: (i) tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; (ii) tập trung cao độ hơn nữa cho bổ sung, hoàn thiện, tháo gỡ vướng mắc trong hệ thống pháp luật, hoàn thành về cơ bản việc xử lý những bất cập, tồn đọng, vướng mắc liên quan đến thể chế và tổ chức thực hiện kéo dài, đáp ứng tốt nhất cho yêu cầu đổi mới sáng tạo, tạo đột phá phát triển đất nước trong tình hình mới; (iii) thực hiện cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực thực chất, hiệu quả gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu và sức cạnh tranh của nền kinh tế; (iv) đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, sớm hoàn thành các công trình, dự án hạ tầng chiến lược, quan trọng quốc gia, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới; (v) đẩy mạnh hơn nữa cắt giảm thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tăng cường phân cấp, phân quyền thực chất, hiệu quả; tiếp tục hoàn thiện, sắp xếp lại tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm người đứng đầu. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, nhưng không làm ảnh hưởng, cản trở mà để

thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, không hình sự hoá các quan hệ kinh tế và dân sự; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí...

Quốc hội yêu cầu Chính phủ, chính quyền địa phương các cấp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện thành công Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, phấn đấu đạt cao nhất các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

2.2. *Tại Nghị quyết số 159/2024/QH15 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025:* Quốc hội thông qua dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 với số thu ngân sách nhà nước là 1.966.839 tỷ đồng; tổng số chi ngân sách nhà nước là 2.548.958 tỷ đồng; mức bội chi ngân sách nhà nước là 471.500 tỷ đồng (tương đương 3,8% GDP); tổng mức vay của ngân sách nhà nước là 835.965 tỷ đồng; đồng thời, quyết định chưa tăng tiền lương khu vực công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công trong năm 2025; cho phép sử dụng nguồn cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 của ngân sách trung ương, ngân sách địa phương để hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hỗ trợ địa phương khác thực hiện nhiệm vụ này trong trường hợp địa phương không sử dụng hết nguồn; thực hiện chuyển nguồn số kinh phí chưa sử dụng hết sang năm 2025.

Quốc hội giao Chính phủ tập trung điều hành chính sách tài khóa chủ động, hợp lý, linh hoạt, hiệu quả; phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, nhịp nhàng với chính sách tiền tệ và các chính sách khác; kịp thời ứng phó với biến động phức tạp của tình hình trong nước và ngoài nước, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; khẩn trương có giải pháp khắc phục đà suy giảm các chỉ tiêu về tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước trên GDP và tỷ lệ huy động từ thuế, phí vào ngân sách nhà nước; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách; điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cần thiết để bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bổ sung vốn đầu tư phát triển và hỗ trợ phục hồi kinh tế...

2.3. *Tại Nghị quyết số 160/2024/QH15 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2025:* Quốc hội quyết định tổng số thu ngân sách trung ương năm 2025 là 1.020.164 tỷ đồng; tổng số thu ngân sách địa phương là 946.675 tỷ đồng; tổng số chi ngân sách trung ương là 1.523.264 tỷ đồng; trong đó, dự toán 248.786 tỷ đồng để bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

Quốc hội giao Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phân bổ vốn đầu tư ngân sách nhà nước bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ điều kiện, trật tự ưu tiên theo quy định của Luật Đầu tư công, các nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Siết chặt kỷ cương, kỷ luật tài chính, xử lý

nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện, giải ngân vốn; cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp thực hiện, giải ngân chậm, gắn với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao...

3. Quốc hội đã xem xét, thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 – 2035 nhằm tăng cường nguồn lực đầu tư, đáp ứng yêu cầu cấp thiết về phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Chương trình gồm 07 mục tiêu tổng quát, 09 nhóm mục tiêu cụ thể đến năm 2030, 09 nhóm mục tiêu cụ thể đến năm 2035, trong đó, tập trung nguồn lực để giải quyết các vấn đề cấp thiết sau: (i) phát triển con người Việt Nam có nhân cách, lối sống tốt đẹp; (ii) xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, phát triển hệ thống hạ tầng, cảnh quan, thiết chế văn hóa đồng bộ, hiệu quả; (iii) nâng cao hiệu quả thông tin tuyên truyền và giáo dục văn hóa; (iv) bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc; (v) thúc đẩy phát triển văn học, nghệ thuật; (vi) phát triển các ngành công nghiệp văn hóa; (vii) đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực văn hóa; (viii) phát triển nguồn nhân lực văn hóa; (ix) hội nhập quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và lan tỏa các giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới; (x) tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, nâng cao năng lực thực hiện Chương trình, truyền thông, tuyên truyền về Chương trình.

Chương trình được thực hiện trên phạm vi cả nước và tại một số quốc gia có mối quan hệ, tương tác văn hóa lâu dài với Việt Nam, có đông đảo người Việt Nam sinh sống, lao động, học tập; được thực hiện trong 11 năm (từ năm 2025 đến năm 2035). Tổng nguồn lực huy động để thực hiện Chương trình dự kiến là 256.250 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2025- 2030 dự kiến 122.250 tỷ đồng; giai đoạn 2031-2035 dự kiến là 134.000 tỷ đồng.

4. Quốc hội đã xem xét, thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 nhằm cụ thể hóa việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các cam kết quốc tế về phòng, chống và kiểm soát ma túy; tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách, trọng tâm, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống ma túy; tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và người dân cùng tham gia với các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác phòng, chống ma túy. Đồng thời, tăng cường nguồn lực, đáp ứng yêu cầu đặt ra với công tác phòng, chống ma túy trong tình hình mới, góp phần quan trọng trong bảo vệ sức khỏe mỗi cá nhân, duy trì giống nòi, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bền vững của đất nước.

Thời gian thực hiện Chương trình từ năm 2025 đến hết năm 2030 với tổng

vốn thực hiện Chương trình tối thiểu là 22.450,194 tỷ đồng.

5. Quốc hội đã xem xét, thông qua **Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam** bằng hình thức đầu tư công với sơ bộ tổng mức đầu tư là 1.713.548 tỷ đồng, nhằm mục tiêu xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao hiện đại, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu vận tải, tạo động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, phát huy lợi thế trên hành lang kinh tế Bắc - Nam, bảo đảm kết nối hiệu quả các hành lang Đông - Tây và với các nước trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, góp phần hiện thực hóa mục tiêu, nhiệm vụ theo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và các Nghị quyết của Đảng.

Dự án có tổng chiều dài tuyến khoảng 1.541 km; điểm đầu tại ga Ngọc Hồi (Thủ đô Hà Nội), điểm cuối tại ga Thủ Thiêm (Thành phố Hồ Chí Minh), đi qua địa phận 20 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đầu tư mới toàn tuyến đường đôi, khổ 1.435 mm, tốc độ thiết kế 350 km/h, tải trọng 22,5 tấn/trục; 23 ga hành khách, 05 ga hàng hóa; dự án đường sắt tốc độ cao được xây dựng với mục đích chính là để vận chuyển hành khách, đáp ứng yêu cầu lương thực, phục vụ quốc phòng, an ninh, có thể vận tải hàng hóa khi cần thiết. Phân đầu đến năm 2035, cơ bản hoàn thành Dự án.

6. Quốc hội đã xem xét, thông qua **Nghị quyết về việc thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương**, đánh dấu thành tựu nổi bật trong việc thực hiện chủ trương đẩy mạnh đô thị hóa gắn với phát triển kinh tế đô thị của cả nước; giúp thành phố Huế không chỉ tạo sự chuyển dịch về không gian đô thị, không gian kinh tế, tạo động lực phát triển mới cho địa phương, mà còn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống; kiến tạo hình ảnh đô thị khang trang, xanh, sạch, đẹp, bảo đảm thực hiện tốt hơn nhiệm vụ bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, thực sự trở thành trung tâm của vùng và cả nước về văn hóa - du lịch, y tế chuyên sâu, giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ theo tinh thần Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị và các nghị quyết, kết luận quan trọng khác của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị.

7. Quốc hội đã xem xét, thông qua **Nghị quyết kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV** với nhiều nội dung quan trọng, trong đó, đã quyết nghị:

(i) Tiếp tục giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a mục 1.1 khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 30/6/2025.

(ii) Tiếp tục thực hiện chủ trương đầu tư dự án điện hạt nhân Ninh Thuận.

(iii) Đồng ý chủ trương điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và giao Chính phủ chủ động thực hiện theo quy định của pháp luật; đồng thời, đề nghị nghiên cứu, trình Quốc hội trong năm

2025 thông qua điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(iv) Đồng ý điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành theo đề nghị của Chính phủ. Theo đó, giai đoạn 01, đầu tư xây dựng 02 đường cất hạ cánh ở phía Bắc và 01 nhà ga hành khách, cùng các hạng mục phụ trợ đồng bộ với công suất 25 triệu hành khách/năm, 1,2 triệu tấn hàng hóa/năm; chậm nhất đến ngày 31/12/2026 hoàn thành và đưa vào khai thác.

(v) Chấp thuận chủ trương đầu tư bổ sung vốn nhà nước để duy trì tỷ lệ vốn góp nhà nước tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam với số tiền 20.695.100.980.000 đồng từ cổ tức bằng cổ phiếu được chia của cổ đông nhà nước từ nguồn lợi nhuận còn lại lũy kế đến hết năm 2018 và lợi nhuận còn lại năm 2021 của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

(vi) Thông qua các giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 để Tổng công ty Hàng không Việt Nam sớm phục hồi và phát triển bền vững; trong đó: cho phép Tổng công ty Hàng không Việt Nam chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với quy mô tối đa 22.000 tỷ đồng; đồng thời, cho phép Công ty cổ phần Hàng không Pacific Airlines được xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ thuế phát sinh theo quyết định của cơ quan thuế có thẩm quyền, còn nợ đến ngày 31/12/2024.

(vii) Đồng ý bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương để thực hiện mức lương cơ sở theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

(viii) Cho phép thực hiện một số cơ chế, giải pháp cấp bách cần thiết để triển khai 03 dự án quan trọng của Văn phòng Trung ương Đảng.

II. CÔNG TÁC LẬP PHÁP

1. Các luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua

Quốc hội đã thông qua 18 luật, 04 nghị quyết quy phạm pháp luật trên tinh thần đổi mới mạnh mẽ về tư duy trong công tác lập pháp theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển; các quy định của luật phải mang tính ổn định, có giá trị lâu dài; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư sản xuất, kinh doanh, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp; kiên quyết chống tiêu cực, lợi ích nhóm; những vấn đề mới, đang trong quá trình vận động, thực tiễn biến động thường xuyên, chưa ổn định thì chỉ quy định khung, mang tính nguyên tắc và giao Chính phủ, các Bộ, ngành, chính quyền địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt trong điều hành, phù hợp với thực tiễn. Cụ thể như sau:

1.1. Luật Công chứng (sửa đổi) được ban hành nhằm khắc phục hạn chế, vướng mắc trong việc thi hành pháp luật về công chứng; bảo đảm tính chuyên

nghiệp, hiệu quả của hoạt động công chứng phù hợp với tính chất là dịch vụ công do Nhà nước ủy nhiệm thực hiện, góp phần bảo đảm an toàn trong các giao dịch dân sự, kinh tế, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh lành mạnh, bền vững, hạn chế tranh chấp, khiếu kiện.

Luật gồm 08 chương, 76 điều (giảm 05 điều so với Luật hiện hành), trong đó có một số quy định mới như: (i) Quy định tiêu chí về giao dịch phải công chứng; (ii) Quy định việc chứng nhận bản dịch không còn thuộc phạm vi công chứng, mà là hoạt động chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật về chứng thực; (iii) Sửa đổi, bổ sung quy định về việc đào tạo nghề công chứng, thời gian tập sự hành nghề công chứng, độ tuổi hành nghề công chứng; (iv) Bổ sung quy định cho phép thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh tại các đơn vị hành chính cấp huyện khi đáp ứng các tiêu chí quy định trong Luật; (v) Bổ sung quy định về điều kiện thành lập và hoạt động của Phòng công chứng nhằm bảo đảm sự bình đẳng trong hoạt động của các tổ chức hành nghề công chứng; (vi) Bổ sung quy định về công chứng điện tử; (vii) Quy định chặt chẽ về cơ sở dữ liệu công chứng, việc xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu công chứng; (viii) Quy định chặt chẽ việc công chứng ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng; (ix) giao Chính phủ quy định theo thẩm quyền về hồ sơ, trình tự, thủ tục trong hoạt động công chứng để kịp thời thực hiện chủ trương đổi mới tư duy lập pháp....

1.2. Luật Công đoàn (sửa đổi) được ban hành để tiếp tục thể chế hóa Hiến pháp, các chủ trương, chính sách của Đảng; đáp ứng yêu cầu đổi mới với hoạt động của tổ chức Công đoàn trong thời kỳ mới và yêu cầu hội nhập quốc tế, khắc phục những hạn chế của Luật hiện hành; bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

Luật gồm 06 chương, 37 điều (tăng 04 điều so với Luật hiện hành) quy định một số nội dung mới như: (i) Mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với người lao động Việt Nam làm việc không có quan hệ lao động, bổ sung quyền gia nhập công đoàn của người lao động là công dân nước ngoài, việc gia nhập Công đoàn Việt Nam của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp; (ii) Bổ sung quyền giám sát và phản biện xã hội của Công đoàn; (iii) Bổ sung các trường hợp miễn, giảm, tạm dừng đóng kinh phí công đoàn nhằm giảm bớt gánh nặng cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi gặp khó khăn; (iv) Sửa đổi quy định nhằm tăng tính công khai, minh bạch, bảo đảm có sự kiểm tra, giám sát trong quản lý, sử dụng tài chính công đoàn, tài sản công đoàn.

1.3. Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) được ban hành nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa, tăng cường phân cấp, phân quyền, khắc phục những hạn chế, bất cập về thể chế, bảo đảm phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính; phát huy nguồn lực xã hội, tạo thuận lợi cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Luật gồm 9 chương, 95 điều với một số nội dung mới như: (i) Quy định cụ thể việc xác lập di sản văn hóa theo từng loại hình sở hữu toàn dân, sở hữu chung, sở hữu riêng phù hợp với Bộ luật Dân sự và quy định khác của pháp luật có liên

quan; (ii) Quy định chính sách của Nhà nước trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho các hoạt động cổ tính đặc thù; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực tham gia quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; (iii) Hoàn thiện các hành vi bị nghiêm cấm để bảo đảm chính xác, đầy đủ hơn, làm cơ sở cho việc hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, xử lý vi phạm trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; (iv) Xác định cụ thể các trường hợp điều chỉnh ranh giới khu vực bảo vệ I, khu vực bảo vệ II của di tích, khu vực di sản thế giới và vùng đệm của di sản thế giới; quy định nguyên tắc và thẩm quyền thực hiện điều chỉnh ranh giới các khu vực bảo vệ để bảo đảm tính khả thi khi áp dụng trên thực tiễn; (v) Quy định cụ thể việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trong và ngoài khu vực bảo vệ di tích; (vi) Quy định về quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, xử lý di vật, cổ vật được phát hiện, giao nộp; (vii) Bổ sung Quy bảo tồn di sản văn hóa; (viii) Quy định bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu; (ix) Bổ sung quy định nhằm hỗ trợ sự phát triển của hệ thống bảo tàng...

1.4. Luật Dữ liệu được Quốc hội cho ý kiến và thông qua theo quy trình tại 01 kỳ họp nhằm đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ công cuộc chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; tạo cơ sở pháp lý triển khai thực hiện và tạo bước đột phá về chuyển đổi số một cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và quản lý nhà nước.

Luật gồm có 06 chương, 46 điều, quy định những nội dung cơ bản về dữ liệu số; việc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu số; Trung tâm dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu số; quản lý về dữ liệu số; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động về dữ liệu số...

1.5. Luật Đầu tư công (sửa đổi) được ban hành nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý về đầu tư công trên cơ sở kế thừa ưu điểm của Luật Đầu tư công năm 2019; khắc phục căn bản những khó khăn, hạn chế, vướng mắc, điểm nghẽn phát sinh trong quá trình thi hành Luật; luật hóa một số cơ chế, chính sách thí điểm, đặc thù đã được áp dụng và phát huy hiệu quả; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với quy định tại các luật, nghị quyết của Quốc hội mới được ban hành; nâng cao hiệu quả khai thác, quản lý và sử dụng nguồn lực đầu tư công đáp ứng yêu cầu xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại và phát triển đất nước.

Luật gồm 7 chương, 103 điều (bổ sung 01 chương¹, tăng thêm 02 điều² và sửa

¹ Bổ sung Chương IV (gồm 05 điều) về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài, quản lý kế hoạch vốn đầu tư nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài.

² Trong đó: (i) Bổ sung Điều 7. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công, Điều 58. Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án, Điều 63-67 tại Chương IV; (ii) Lược bỏ các điều: Điều 32 về hồ sơ, nội dung và trình tự, thời gian thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án, Điều 77 về Thanh tra Đầu tư công; Điều 86 về nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước, Điều 107 về xử lý vi phạm; Ghép Điều

đôi 65 điều so với Luật hiện hành, trong đó có 32 điều chỉ sửa đổi, bổ sung về từ ngữ để làm rõ hơn và tạo sự thống nhất, đồng bộ trong triển khai, mà không làm thay đổi nội hàm chính sách). Luật quy định một số nội dung nổi bật như: (i) Điều chỉnh quy mô dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B, C phù hợp với yêu cầu quản lý đầu tư công trong tình hình mới; đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư công đối với các dự án nhóm B, nhóm C từ Hội đồng nhân dân sang Ủy ban nhân dân; phân cấp điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giữa các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương từ Ủy ban Thường vụ Quốc hội sang Thủ tướng Chính phủ đối với ngân sách Trung ương, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giữa các Sở, ngành, địa phương từ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (ii) Thể chế hoá 03 chính sách đặc thù đã được Quốc hội cho phép thí điểm (gồm: Tách công tác đền bù, tái định cư thành dự án độc lập; quy định giao 01 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản thực hiện dự án đi qua địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên; cho phép Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bố trí vốn ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện các chính sách tín dụng thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội); (iii) Điều chỉnh các nội dung theo tinh thần đổi mới trong công tác xây dựng pháp luật đó là luật chỉ quy định những vấn đề có tính nguyên tắc và giao Chính phủ quy định những vấn đề cụ thể theo thẩm quyền, quy định chi tiết đối với các vấn đề có tính linh hoạt, dễ bị thay đổi và các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương...

1.6. Luật Địa chất và khoáng sản được ban hành nhằm thể chế hóa quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; khắc phục những bất cập của Luật Khoáng sản hiện hành.

Luật gồm 12 chương, 111 điều, quy định một số nội dung cơ bản về: (i) Việc điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; (ii) Bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; (iii) Hoạt động khoáng sản, thu hồi khoáng sản; (iv) Chế biến khoáng sản thuộc dự án đầu tư khai thác khoáng sản; (v) Tài chính về địa chất, khoáng sản và đấu giá quyền khai thác khoáng sản; (vi) Quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam...

1.7. Luật Điện lực (sửa đổi) được Quốc hội xem xét, thông qua theo quy trình tại 01 kỳ họp nhằm kịp thời thể chế hóa các đường lối, chủ trương mới của Đảng, khắc phục những vướng mắc, bất cập của Luật hiện hành, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, góp phần thúc đẩy ngành điện lực phát triển bền vững, hiệu quả, đạt mục tiêu đã đề ra trong giai đoạn từ nay tới năm 2030 và những năm tiếp theo, đảm bảo an ninh năng lượng, cung ứng điện cho phát triển kinh tế - xã hội.

Luật gồm 09 chương, 81 điều, quy định một số nội dung cơ bản như: (i)

63 thành khoản 6 Điều 61 của Luật chính lý; (iii) Thay thế một số điều về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án tại Chương II.

Quy hoạch phát triển điện lực, đầu tư xây dựng dự án điện lực; (ii) Phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới; (iii) Giấy phép hoạt động điện lực; (iv) Thị trường điện cạnh tranh, hoạt động mua bán điện; (v) Vận hành, điều độ hệ thống điện quốc gia; (vi) Bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện; (vii) Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động điện lực và sử dụng điện; (viii) Quản lý nhà nước về điện lực...

1.8. Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi) được ban hành nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tương thích với điều ước quốc tế; phát huy vai trò của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong phòng, chống mua bán người ngay từ cơ sở và giải quyết những tồn tại, khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện Luật trong thời gian qua, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công tác phòng, chống mua bán người hiện nay và trong thời gian tới.

Luật gồm 08 chương, 63 điều (tăng 05 điều so với Luật hiện hành); trong đó có một số nội dung mới như: (i) Chính sách ưu tiên bố trí ngân sách cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; (ii) Quyền của nạn nhân được xem xét không xử lý hành chính hoặc xử lý hình sự hành vi vi phạm pháp luật là hệ quả trực tiếp của hành vi mua bán người; (iii) Mở rộng đối tượng bảo vệ gồm: nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân; người dưới 18 tuổi đi cùng, người thân thích của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, cá nhân tham gia phòng, chống mua bán người hoặc hỗ trợ nạn nhân; (iv) Mở rộng chính sách hỗ trợ cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng như: trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp luật, hỗ trợ học nghề, tư vấn việc làm, trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn, hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trong năm đầu tiên nếu nạn nhân chưa có bảo hiểm y tế... Bên cạnh đó, Luật còn quy định hành vi nghiêm cấm mạnh hơn, bao gồm cả nghiêm cấm hành vi "*thỏa thuận mua bán người từ khi còn đang là bào thai*" và nhiều hành vi khác nhằm ngăn chặn từ sớm, từ xa và xử lý hiệu quả các hành vi liên quan đến mua bán người.

1.9. Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được ban hành nhằm bổ sung, quy định đầy đủ, toàn diện về hoạt động cứu nạn, cứu hộ, mà lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đang được giao thực hiện; khắc phục kịp thời những hạn chế, bất cập; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và tăng cường công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong tình hình mới.

Luật gồm 08 chương, 55 điều, quy định một số nội dung nổi bật như: (i) Trách nhiệm báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ; (ii) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; (iii) Các hành vi bị nghiêm cấm; (iv) Phòng cháy đối với nhà ở; phòng cháy đối với nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh; phòng cháy đối với cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy (nhà, công trình, địa điểm được sử dụng để ở, sản xuất, kinh doanh, hoạt động thương mại, làm việc hoặc mục đích khác, được xây dựng,